

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2465/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018



BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị quyết số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ tư về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ tư về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 (theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2: Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 được giao, đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2018 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 còn dư chuyển sang (nếu có).

Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần tiền lương tăng thêm cho một số địa phương ngân sách khó khăn không cân đối được nguồn theo quy định.

Trong giai đoạn 2018-2020, các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương, trường hợp xác định bảo đảm nguồn kinh phí cải cách lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả lộ trình, không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ, thì được phép sử dụng nguồn làm lương còn dư để đầu tư các dự án theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ và nguồn cải cách tiền lương của địa phương sau khi đã bảo đảm nhu cầu cải cách tiền lương để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, các địa phương có báo cáo gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm sau để các địa phương có nguồn triển khai thực hiện.

3. Chủ động bố trí chi trả nợ lãi các khoản vay của chính quyền địa phương trong dự toán chi ngân sách địa phương; bố trí chi trả nợ gốc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ nguồn bội thu ngân sách địa phương, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư và vay mới trong năm.

4. Căn cứ kết quả thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính xác định phân giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành trên địa bàn.

Điều 3: Dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước ngày 10 tháng 12 năm 2017. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: ✓

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục thuế, KBNN, Cục Hải Quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, NSNN (3/2018).

BỘ TRƯỞNG



Đinh Tiến Dũng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	1.835.000
I	THU NỘI ĐỊA	1.719.000
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	420.000
	Thuế giá trị gia tăng	212.800
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200
	Thuế tài nguyên	205.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	35.000
	Thuế giá trị gia tăng	21.200
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.000
	Thuế tài nguyên	5.800
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.000
	Thuế giá trị gia tăng	1.800
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.200
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	476.000
	Thuế giá trị gia tăng	335.500
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.500
	Thuế tài nguyên	110.000
5	Lệ phí trước bạ	130.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	135.000
7	Thuế bảo vệ môi trường (1)	105.000
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>65.900</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>	<i>39.100</i>
8	Phí, lệ phí	100.000
	<i>Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện thu</i>	<i>12.000</i>
	<i>- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu</i>	<i>88.000</i>
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>51.000</i>
9	Tiền sử dụng đất	150.000
	<i>- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý</i>	<i>150.000</i>
10	Thu tiền thuê đất, mặt nước	18.000
11	Thu khác ngân sách	90.000
	<i>Trong đó: Thu khác ngân sách trung ương</i>	<i>39.200</i>
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	32.000
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>	<i>23.000</i>
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>	<i>9.000</i>

TỈNH ĐẮK NÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.000
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	19.000
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	116.000
1	Thuế xuất khẩu	65.000
2	Thuế nhập khẩu	1.000
3	Thuế giá trị gia tăng	50.000

Ghi chú:

(1) Giữ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu sản xuất, bán ra trong nước so với tổng sản lượng xăng dầu tiêu thụ trên thị trường như đối với năm 2017 là 37,2%.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

TỈNH: ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	6.326.848
	Gồm:	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	4.575.215
1	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	48.414
2	Chi đầu tư phát triển (1)	553.670
	Trong đó:	
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước (2)	384.670
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	150.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	19.000
3	Chi thường xuyên (3)	3.878.821
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.696.150
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	11.287
c	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	36.247
4	Chi trả nợ lãi	400
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
6	Dự phòng ngân sách	92.910
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác	1.751.633
1	Chi thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia	117.548
2	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngoài nước	426.168
3	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác từ nguồn vốn trong nước	984.968
4	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu.	222.949
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	70.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	19.200
	Trong đó:	
	Vay để trả nợ gốc	19.200

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018
TỈNH: ĐẮK NÔNG



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.811.348
	Gồm:	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.059.715
2	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.751.633

Ghi chú:

(1) Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 623.970 triệu đồng.

Trong đó đã bao gồm 19.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án sau:

- Sửa chữa và nâng cao an toàn đập
- Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới
- Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả

(2) Đã giảm chi tương ứng số bội thu ngân sách địa phương. Trường hợp địa phương sử dụng một phần từ nguồn thu tiền sử dụng đất, từ nguồn thu xổ số kiến thiết để tạo nguồn trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định và điều chỉnh giảm chi đầu tư phát triển từ các nguồn này.

(3) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào chỉ tiêu hướng dẫn và tình hình thực tế của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cho phù hợp.

- Bao gồm 10% tiết kiệm tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 là 2.660 triệu đồng.

(4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.

(5) Là mức được vay tối đa trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn. Chi phân bổ vốn đầu tư phát triển cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.

(6) Chi tiết theo phụ lục số 3 và phụ lục số 4.

(*) 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2018 so dự toán năm 2017 để thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định là 89.600 triệu đồng.

**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN 02 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018
TỈNH: ĐẮK NÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
1	2	3	4	5
	<u>Tổng số</u>	<u>117.548</u>	<u>84.403</u>	<u>33.145</u>
1	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	74.300	53.300	21.000
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	43.248	31.103	12.145
	Trong đó:			
	Dự án 2: Chương trình 135	41.640	31.103	10.537

**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2018
TỈNH: ĐẮK NÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
	Tổng số	1.634.085
I	Bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư phát triển):	1.411.136
	<i>Gồm:</i>	
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	426.168
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	484.968
	<i>Trong đó: Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng</i>	27.968
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	500.000
II	Bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp):	222.949
	<i>Gồm:</i>	
1	Vốn ngoài nước (1)	44.570
2	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật	455
3	Hỗ trợ các Hội Nhà báo	90
4	Chính sách trợ giúp pháp lý	355
5	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	32.400
6	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	2.177
7	Hỗ trợ kinh phí ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi, chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc rất ít người	165
8	Học bổng học sinh dân tộc nội trú; học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	3.664
9	Hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã; kinh phí đào tạo cán bộ cơ sở vùng Tây Nguyên; hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án củng cố, tăng cường cán bộ dân tộc Mông	5.414
10	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT người nghèo, người sống ở vùng kinh tế xã hội ĐBK, người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn	30.063
11	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	10.035
12	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng (cựu chiến binh, thanh niên xung phong, bảo trợ xã hội, học sinh, sinh viên, hộ cận nghèo, hộ nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, người hiến bộ phận cơ thể người)	8.144
13	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; trợ giá cho người dân tộc thiểu số nghèo ở vùng khó khăn; hỗ trợ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số;...	13.209

TỈNH: ĐẮK NÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2018
1	2	3
14	Hỗ trợ kinh phí chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô; kinh phí nâng cấp đô thị; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên	22.681
15	Vốn chuẩn bị động viên	3.000
16	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính	800
17	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	17.135
18	CTMT Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động	2.444
19	CTMT Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	1.092
20	CTMT Y tế - dân số	7.953
21	CTMT Đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy	1.470
22	CTMT Phát triển lâm nghiệp bền vững	13.000
23	CTMT Phát triển văn hóa	633
24	CTMT Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	2.000

Ghi chú:

(1) Bao gồm:

- Vốn vay: 27.570 triệu đồng, cụ thể:

+ 600 triệu đồng của Dự án Giáo dục và Đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.

+ 1.300 triệu đồng của Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.

+ 24.000 triệu đồng của Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.

+ 400 triệu đồng của Dự án Nâng cao năng lực phòng chống HIV/AIDS khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.

+ 1.270 triệu đồng của Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.

- Vốn viện trợ: 17.000 triệu đồng, cụ thể:

+ 6.200 triệu đồng của Dự án Giáo dục và Đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế, thực hiện ghi thu - ghi chi theo thực tế giải ngân.

+ 10.800 triệu đồng của Chương trình Hỗ trợ chính sách ngành y tế giai đoạn 2, thực hiện trong phạm vi dự toán được giao và theo cơ chế tài chính trong nước.